

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật;

Xét Tờ trình số 233/TTr-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chi tiết khoản 3 Điều 12 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật về:

a) Mức hỗ trợ cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhỏ và vừa có động vật, sản phẩm động vật buộc phải tiêu hủy do dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc Danh mục các bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc bệnh do tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam được xác định theo quy định của pháp luật;

b) Mức hỗ trợ người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2025/NĐ-CP và các văn bản có liên quan theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ sở sản xuất quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.
2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
3. Người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP.
4. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Mức hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật

1. Đối với cơ sở sản xuất động vật trên cạn
 - a) Trâu, bò, ngựa, dê: 50.000 đồng/kg hơi;
 - b) Cừu, hươu sao: 55.000 đồng/kg hơi;
 - c) Lợn: 40.000 đồng/kg hơi;
 - d) Gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu: 35.000 đồng/kg hơi;
 - đ) Chim cú: 20.000 đồng/kg hơi;
 - e) Đà điểu: 50.000 đồng/kg hơi;
 - g) Trứng gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bò câu, chim cú, đà điểu): 20.000 đồng/kg;
2. Đối với cơ sở sản xuất động vật thủy sản
 - a) Tôm hùm giống: 10.000 đồng/con;
 - b) Tôm giống (tôm thẻ chân trắng, tôm sú, tôm rảo) từ giai đoạn hậu ấu trùng Postlarvae 12 trở lên: 10.000.000 đồng/01 triệu con;
 - c) Cá giống (cá biển, cá tra, cá truyen thống, cá rô phi, cá nước lạnh): 10.000 đồng/kg;
 - d) Diện tích nuôi tôm sú quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp): 9.000.000 đồng/ha; diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh: 12.000.000 đồng/ha;
 - đ) Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng: 9.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ 30 - dưới 50 con/m²); 20.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ 50 - 100 con/m²);

30.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ trên 100 - 250 con/m²); 50.000.000 đồng/ha (mật độ nuôi từ trên 250 con/m²);

e) Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa: 10.000.000 đồng/ha;

g) Diện tích nuôi cá tra thâm canh: 50.000.000 đồng/ha;

h) Diện tích nuôi cá rô phi thâm canh: 30.000.000 đồng/ha;

i) Cá nước lạnh (tầm, hồi) nuôi thâm canh: 20.000 đồng/kg;

k) Thủy sản nước ngọt nuôi lồng, bè: 5.000 đồng/kg;

l) Hải sản nuôi lồng, bè: 10.000 đồng/kg;

m) Diện tích nuôi tôm rảo quảng canh: 9.000.000 đồng/ha; diện tích nuôi tôm rảo bán thâm canh, thâm canh: 12.000.000 đồng/ha;

n) Diện tích nuôi cua biển quảng canh: 9.000.000 đồng/ha; diện tích nuôi cua biển bán thâm canh, thâm canh: 12.000.000 đồng/ha;

o) Diện tích nuôi nhuyễn thể bãi triều: 9.000.000 đồng/ha.

3. Đối với với doanh nghiệp nhỏ và vừa (không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bị thiệt hại do dịch bệnh động vật được hỗ trợ bằng mức quy định tại Điều 6 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP; đồng thời đảm bảo nguyên tắc hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 và các văn bản pháp luật có liên quan theo quy định hiện hành.

Điều 4. Mức hỗ trợ đối với người tham gia khắc phục dịch bệnh động vật

1. Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 400.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 500.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, Tết.

2. Người hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được phân công, huy động tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật được hỗ trợ: 150.000 đồng/người/ngày đối với ngày làm việc; 300.000 đồng/người/ngày đối với ngày nghỉ, ngày lễ, Tết.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do dịch bệnh động vật, hồ sơ đề nghị hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận nhưng chưa thực hiện hỗ trợ kể từ ngày Nghị định số 116/2025/ NĐ-CP có hiệu lực thi hành đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc hỗ trợ thực hiện theo Nghị định số 116/2025/ NĐ-CP.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước và nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật (theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 116/2025/NĐ-CP).

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; cân đối, bố trí ngân sách để thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật; báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố kết quả triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2025.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVI, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu (Quốc hội);
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Các bộ: NNMT, TC, TP;
- Cục KTVB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nông nghiệp và Môi trường);
- TTTU, TT HĐND, UBND thành phố;
- Đoàn ĐBQH Hải Phòng;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Các Đại biểu HĐND khóa XVI;
- VP: TU, ĐĐBQH&HĐND, UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TTĐU, TT HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và PTTT HP, Công báo TP, Cổng TTĐT TP;
- Lưu HSKH.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Hiệu